

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-PT
Ngày 22/5/2019
*“V/v kiện đòi QSD đất trong
quá trình thực hiện chính sách
đôn điền đổi thửa và yêu cầu BT
thiệt hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam.

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu

Ông Lại Văn Tùng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp QSD đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2019/QĐXX-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lại Thị V, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh N

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh N

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn C - Chủ tịch UBND xã H, huyện H, tỉnh N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh H - Phó chủ tịch xã H, huyện H, tỉnh N; ông Mai Xuân Long - Cán bộ địa chính, môi trường xã H, huyện H, tỉnh N (Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Vĩnh T; sinh năm 1976; địa chỉ : Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh N;

2. Chị Lê Thị T1; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 5 xã Đ, huyện T, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị T1: Bà Lại Thị V, sinh năm 1954; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh N (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018).

(Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lại Thị V trình bày: Khi đo đạc thực hiện đề án 68 năm 1992, gia đình bà V có 3 khẩu được chia ruộng lúa, theo đó, gia đình bà được chia 3 khẩu x 414m^2 /khẩu = 1242m^2 ; cân đối đất vườn ao theo đề án 68, gia đình bà được thêm 100m^2 (dòng cuối trong Giấy chứng nhận QSDĐ ghi 100 là diện tích đất gia đình bà được cân đối, cấp thêm). Năm 1995, ông Lê Vĩnh Thiêm là chồng bà là thương bệnh binh được chia thêm 324m^2 đất ruộng. Tổng cộng đến năm 1995, gia đình bà được chia 1665m^2 , được chia gọn thành 3 thửa như sau: Thửa 71/3, tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 892m^2 . Thửa 271, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 150m^2 . Thửa 277, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 623m^2 .

Ngày 20/11/1996 gia đình bà chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở là 805m^2 và Thửa 71/3, tờ bản đồ số 7 xã H 892m^2 đất ruộng, còn hai thửa đất ruộng là thửa 271 và thửa 277, tờ bản đồ số 6, xã H1 thì chưa được cấp giấy chứng nhận.

Năm 2011 thực hiện dồn điền, gia đình bà được xóm giao cho diện tích đất lúa như sau: Tổng diện tích 1581m^2 . Cụ thể: Thửa 71/3, tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 979m^2 . Thửa 271, 277, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 602m^2 .

Năm 2015, thực hiện lại dồn điền đổi thửa, gia đình bà được xóm đội thông báo và nói là chia theo ruộng tiêu chuẩn gia đình bà chỉ còn 1370m^2 , được chia như sau: Thửa 71/2, tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 965m^2 . Thửa 271/4, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 284m^2 . Thửa 277/1, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 121m^2 . So với diện tích chia năm 1995, gia đình bà còn thiếu 211m^2 . Trong khi đó, theo chính sách dồn điền đổi thửa thì không được điều chỉnh diện tích mà chỉ điều chỉnh vị trí. Như vậy, điều chỉnh diện tích đất hai thửa của gia đình bà là có sai trái. Diện tích đất nhà bà trước đây sử dụng là không thửa do đó bà V đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc UBND (Ủy ban nhân dân) xã H trả lại cho gia đình bà 211m^2 đất ruộng hai thửa nhà bà đã bị UBND xã lấy ra chia cho hộ dân khác, cụ thể: Thửa 71, tờ bản đồ số 7 ở xã H trả lại

bà 14m² đã chia cho hộ bà Lê Thị T2; thửa 271, 276 tờ bản đồ số 6 ở xã H1 trả lại bà 197m² đã chia cho hộ bà Ngô Thị H1 và hộ ông Trần Văn T3. Bồi thường thiệt hại sản lượng không thu hoạch được từ vụ chiêm năm 2016 đến nay trên diện tích đất 197m² mỗi vụ 20kg thóc cụ thể đến ngày hôm nay là 5 vụ 100kg thóc.

- Bị đơn Ủy ban nhân dân xã H trình bày: Thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước, địa phương, năm 1992 xã tổ chức đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân. Theo đề án 68 của Ủy ban nhân dân huyện năm 1992, một trong các hình thức giao đất có giao đất lâu dài: Đất nhà ở, đất ao, đất % trong khu vực dân cư (riêng đất trong thổ sau khi trừ đất %, đất ở, phần dôi ra được cân đối vào đất 2 lúa, tỷ lệ quy đổi 2 đất vườn bằng 1 đất lúa, 3 đất ao bằng 1 đất lúa).

Căn cứ quỹ đất nông nghiệp của xã H khi đó, mỗi tiêu chuẩn ruộng nông nghiệp được sử dụng 414m² đất ruộng. Theo quy định cân đối đất để giao đất ruộng hai lúa thì thổ cư mỗi hộ được tính 200m² đất ở; sau đó còn lại đất nông nghiệp được cân đối vào tiêu chuẩn ruộng quy đổi thừa thiếu cân đối trong thổ và ngoài đồng theo tỷ lệ: quy đổi 2 đất vườn bằng 1 đất lúa, 3 đất ao bằng 1 đất lúa. Áp dụng vào hộ gia đình của bà V thì tiêu chuẩn của gia đình bà V 3 khẩu = 1242m²; sau khi cân đối theo đề án 68 của Ủy ban nhân dân huyện thì hộ gia đình của bà V được sử dụng 1042m², chia tại các vị trí như sau: Thửa 71/3, tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 892m². Thửa 271, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 150m².

Năm 1995, gia đình bà được chia bổ sung thêm diện tích 324m² cho khẩu của ông Lê Vĩnh T (chồng bà) là bệnh binh, giao tại thửa số 73, tờ bản đồ số 4, xã H (Thổ ông Hiệt cũ). Năm 2003 mới đổi diện tích đất này từ thổ ông Hiệt cho hộ ông Khoái sử dụng còn hộ bà V chuyển về thửa 277, tờ số 6, xã H1 sử dụng. Như vậy, gia đình bà theo tiêu chuẩn được nhà nước giao là 1366m²; trừ đất góp làm giao thông, thủy lợi nội đồng là 4,5% / khẩu là 61 m²; gia đình bà Lại Thị V còn 1305m².

Năm 2011, thực hiện phương án dồn điền đổi thửa toàn xã H tổ đồn điền đổi thửa của xóm 5 đã thực hiện không đúng nguyên tắc của phương án dồn điền đổi thửa theo chủ chương của xã đã giao cho gia đình bà V sử dụng 1581m² đất ruộng là có sai sót. Vì đã giao đất ngoài thực địa nên ban chỉ đạo dồn điền đổi thửa của xã chỉ đạo chi bộ xóm 5 họp ra nghị quyết, xóm tổ chức họp nhân dân trong xóm bàn chỉnh sửa lại theo phương án dồn điền đổi thửa cho đúng diện tích sử dụng đất của các hộ dân.

Do đó đến năm 2015 rà soát lại Ủy ban nhân dân xã tổ chức dồn điền đổi thửa theo đúng diện tích đất mà các hộ dân được quyền sử dụng theo tiêu chuẩn và hộ bà V được giao lại theo đúng tiêu chuẩn như sau:

- Thửa 71/2, tờ bản đồ số 7 xã H diện tích 965m²
- Thửa 271/4, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 284m²
- Thửa 277/1, tờ bản đồ số 6, xã H1 diện tích 121m²

Bà Lại Thị V nêu trong đơn khởi kiện nội dung thiếu đất canh tác được cấp bù 100m² và diện tích đất liên tục sử dụng của gia đình bà V là 1666m² và bà V đòi lại 211m² đất là không có cơ sở. Vì thực chất số 100 ở cuối trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà V là con số ghi thửa do công tác in ấn phát hành không thể hiện loại đất gì, ở đâu, tờ thửa nào, bà V lợi dụng việc này để cho rằng gia đình bà có đất.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình bà V, nếu bà V nhất trí với diện tích đã điều chỉnh sau dồn điền đổi thửa năm 2015 thì đến UBND xã làm đơn đề nghị và cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lại Thị V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Vĩnh T và chị Lê Thị T1 có lời khai nhất trí với quan điểm của bà V, có yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại như yêu cầu của bà Lại Thị V và không có yêu cầu độc lập.

Qua xác minh, xem xét thẩm định hồ sơ địa chính tại UBND xã H, kết quả như sau:

- Tại sổ đề án Bổ sung và điều chỉnh đất phần trăm lập ký ngày 16/4/1988; tại số thứ tự 49, hộ ông Lê Vĩnh T có tổng diện tích sử dụng 869m², trong đó thổ cư 370m²; tổng đất nông nghiệp 499m²; đất thổ canh 159m²; ao 340m². Diện tích đất phần trăm theo tiêu chuẩn 222m². Trong mục cân đối, phần Giữ nguyên có ghi: “canh” 159, “quy” 79; “ao” 340, “quy” 113. Trong mục bổ sung thêm ghi “2 lúa” 30m². Trong mục diện tích đất phần trăm thực sử dụng khi điều chỉnh ghi 529m².

Theo sổ địa chính của xã H lập năm 1997, hộ bà V sử dụng:

+ Tại thửa 78, tờ số 7, diện tích 240m² đất ao. Tại thửa 71/3, tờ số 7, diện tích 892m² đất hai lúa. Tại thửa 78, tờ số 7, diện tích 260m² đất ở, 100m² đất xây dựng; 205m² đất vườn.

Theo sổ địa chính số 19 của xã H1 lập năm 1998, hộ bà V sử dụng: Tại thửa số 271/6, Tờ số 6, diện tích 150m² đất hai lúa (đất xâm canh).

Theo sổ mục kê quyền số 01 lập năm 1999, hộ bà V sử dụng diện tích 805m², trong đó ao 240m², thổ 260m². Vườn 205m², đất xây dựng 100m².

Căn cứ sổ địa chính lập năm 1997 của xã H, tại phiếu thửa địa chính, hộ bà V sử dụng đối với thửa số 71/3, tờ số 7 xã H diện tích giao theo phương án 890m², theo địa chính 892m² đất hai lúa.

Căn cứ sổ địa chính lập năm 1998 của xã H1, tại phiếu thửa địa chính, hộ bà Lại Thị V sử dụng đối với thửa số 271/6, tờ bản đồ số 6 xã H1 diện tích 150m² đất hai lúa.

Phiếu thửa địa chính hiện nay hộ bà Lại Thị V sử dụng lập theo phương án dồn điền đổi thửa lập năm 2015. Tại thửa số 71/3, tờ bản đồ số 7, xã H, diện tích được giao 965m². Tại thửa số 271/4, tờ bản đồ số 6, xã H1, diện tích được giao 284m². Tại thửa số 277/1, tờ bản đồ số 6, xã H1, diện tích được giao 121m².

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã quyết định:

Căn cứ Điều 584; 585; 586 Bộ luật dân sự 2015; khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4,5,7,8 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị V đòi quyền sử dụng 211m² đất ruộng hai lúa tại thửa 71; thửa 277 tờ bản đồ số 7 là 211m²; và bồi thường thiệt hại 20kg thóc mỗi vụ từ 2016 đến nay đối với Ủy ban nhân dân xã H.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/10/2018, bà Lại Thị V làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 50/2018/DS-ST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vì cho rằng cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà là không có căn cứ, thiếu khách quan, không đúng pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm; buộc UBND xã H phải trả lại cho gia đình bà 211m² đất nông nghiệp cấy lúa; buộc UBND xã H phải bồi thường cho gia đình bà sản lượng không thu hoạch được từ vụ chiêm 2016 cho đến khi trả lại diện tích đất nói trên, mỗi vụ 20 kg thóc.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà Lại Thị V vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Nam Định phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lại Thị V, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Lại Thị V được làm trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[Về quan hệ pháp luật]: Bà Lại Thị V khởi kiện UBND xã H cho rằng, vào năm 2015 khi thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, UBND xã đã tự ý điều chỉnh về mặt diện tích, làm cho diện tích đất hai lúa của hộ gia đình bà bị thiếu 211m², nay buộc UBND xã H phải trả lại. Vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Kiện đòi QSD đất trong quá trình thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa và yêu cầu bồi thường thiệt hại”, cho sát với yêu cầu khởi kiện của đương sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Lại Thị V Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án, lời khai của bà V, anh T, chị T1, hồ sơ lưu địa chính tại UBND xã H cho thấy: Năm 1992 hộ gia đình bà V được giao theo tiêu chuẩn $414m^2 \times 3 = 1242m^2$ đất hai lúa. Tuy nhiên, sau khi áp dụng đề án 68 của UBND huyện Hải Hậu vào hộ gia đình bà V, UBND xã H xác định hộ gia đình bà V sau khi cân đối thì bị trừ đất ngoài đồng nên diện tích đất hai lúa còn lại là 1042m², còn bà V cho rằng gia đình bà phải được cộng thêm 100m² (con số này được ghi ở dòng cuối trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình bà). Xét thấy, dữ liệu 100m² bà V đưa ra, có ghi trong Giấy chứng nhận, nhưng đây chỉ là con số ghi thừa do công tác in ấn, phát hành không thể hiện loại đất gì, ở đâu, từ thửa nào. Do đó, không có cơ sở chấp nhận ý kiến bà V cho rằng năm 1992, sau khi áp dụng đề án 68, hộ gia đình bà V được sử dụng $1.242m^2 + 100m^2 = 1.342m^2$ đất hai lúa mà cần xác định như trong sổ địa chính, phiếu thửa địa chính của xã H lập năm 1997, sổ địa chính, phiếu thửa địa chính của xã H1 lập năm 1998. Tổng diện tích đất hai lúa của hộ bà V là $892m^2 + 150m^2 = 1.042m^2$ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với diện tích 324m² thuộc tiêu chuẩn ruộng bệnh bình được cấp thêm cho hộ bà V vào năm 1995, mặc dù trong hồ sơ địa chính không thể hiện có diện tích đất hai lúa này nhưng trên thực tế nguyên đơn, bị đơn đều xác định đã giao và hộ gia đình bà V đã sử dụng 324m² diện tích đất này nên cần công nhận quyền sử dụng diện tích 324m² đất ruộng hai lúa được cấp thêm vào năm 1995 cho hộ gia đình bà Lại Thị V.

[4] Như vậy, đến nay, tổng diện tích đất hai lúa hộ bà Lại Thị V được sử dụng là 1366m². Sau khi trừ đi diện tích đất giao thông, thủy lợi nội đồng

4,5% tổng diện tích đất hai lúa được giao, thì hộ bà V còn được quyền sử dụng 1305m².

[5] Đối với việc bà V cho rằng, thực tế trước đây bà sử dụng 1581m² (đã trừ đi 84m² đất góp cho xã làm giao thông), sau khi thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa năm 2011, hộ gia đình bà vẫn sử dụng đủ diện tích đất này. Về vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện UBND xã H cho biết: Năm 2015, sau khi rà soát, phát hiện việc dồn điền đổi thửa tại xóm 5, xã H vào năm 2011 có nhiều sai sót; cụ thể là giao sai diện tích đối với nhiều hộ gia đình nên UBND xã H đã thực hiện phương án dồn điền đổi thửa lại. UBND xã H căn cứ vào ruộng tiêu chuẩn mà gia đình bà Lại Thị V được quyền sử dụng để giao lại vị trí, cũng như diện tích ruộng cho gia đình bà V. Như phân tích ở trên, gia đình bà V được giao 1366m² (chưa trừ diện tích đất góp làm giao thông thủy lợi nội đồng) là đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà V.

[6] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lại Thị V. Vì vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận cho nên bà Lại Thị V phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, bà Lại Thị V là người cao tuổi. Vì vậy cần căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà V. Trả lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

QUYẾT ĐỊNH

Sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí

Căn cứ Điều 584; 585; 586 Bộ luật dân sự 2015; khoản 6, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 4,5,7,8 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị V đòi quyền sử dụng 211m² đất ruộng hai lúa tại thửa 71; thửa 277 tờ bản đồ số 7 là

211m²; và bồi thường thiệt hại 20kg thóc mỗi vụ từ 2016 đến nay đối với Ủy ban nhân dân xã H.

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lại Thị V.

Trả lại cho bà Lại Thị V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002367 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Trả lại cho bà Lại Thị V 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2015/0000194 ngày 26/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND huyện Hải Hậu;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- C.C THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Hà Nam
(Đã ký)**